



Báo cáo tài chính
đã được kiểm toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
ĐẦU TƯ PACIFIC BRIDGE**

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019
đã được kiểm toán

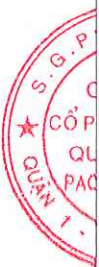
Đơn vị kiểm toán :

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 38.205.944 - Fax: (08) 38.205.942

Website: www.aascs.com.vn

E-mail: infor@aascs.com.vn



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành Công ty	01 - 02
Báo cáo Kiểm toán độc lập	03
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	04 - 06
- Kết quả hoạt động kinh doanh	07
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	09
- Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 22



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Ban Điều hành Công ty Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Pacific Bridge (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.

Công ty

Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Đầu tư Pacific Bridge tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Sao Vàng được thành lập theo Giấy phép số 47/UBCK-GP ngày 20 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu và các giấy phép điều chỉnh sau:

- Theo quyết định số 49/UBCK-GP ngày 20/7/2009 của UBCK Nhà nước: thay đổi người đại diện theo pháp luật và địa chỉ trụ sở.

- Giấy phép điều chỉnh số 24/UBCK-GPĐC ngày 13/8/2013 của UBCK Nhà nước về việc tăng vốn điều lệ, thay đổi tên công ty, thay đổi trụ sở và người đại diện pháp luật

- Giấy phép điều chỉnh số 03/UBCK-GPĐC ngày 21/01/2014 của UBCK Nhà nước về bổ sung nghiệp vụ đầu tư chứng khoán.

- Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC-UBCK ngày 26/5/2016 của UBCK Nhà nước về thay đổi trụ sở công ty. Vốn điều lệ của Công ty: 50.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng.)

Trụ sở chính : Tầng 6, 99 Nguyễn Thị Minh Khai, P.Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM

- Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK ngày 10/08/2017 của UBCK Nhà nước về tăng vốn điều lệ của công ty.

Vốn điều lệ của Công ty: 60.000.000.000 VND (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng.)

- Giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK ngày 01/02/2018 của UBCK Nhà nước về thay người đại diện pháp luật của công ty.

Người đại diện pháp luật: Trịnh Sơn Hà

- Giấy phép điều chỉnh số 64/GPĐC-UBCK ngày 20/08/2018 của UBCK Nhà nước về tên công ty.

Tên đầy đủ: Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Pacific Bridge

Tên viết tắt: Pacific Bridge Capital

Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

Họ tên	Chức danh
Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:	
- Ông Trịnh Sơn Hà	Chủ tịch HĐQT
- Bà Vũ Thị Huyền Nga	Thành viên
- Bà Huỳnh Thị Ngân Trang	Thành viên
Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc:	
- Ông Đinh Ngọc Dũng	Tổng Giám đốc
- Bà Tô Thị Thu	Kế toán trưởng
Các thành viên Ban kiểm soát	
- Bà Nguyễn Thị Hiền	Trưởng ban
- Ông Nguyễn Việt Tuấn	Chuyên viên
Người Đại diện theo pháp luật	
- Ông Trịnh Sơn Hà	Chủ tịch HĐQT

Tình hình kinh doanh của Công ty

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019 của Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Điều hành công ty đối với Báo cáo tài chính

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng được tuân thủ đầy đủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

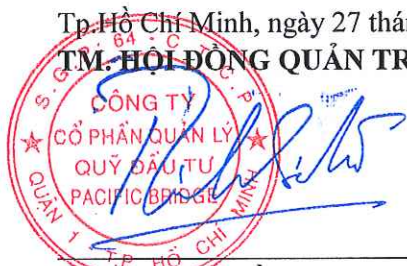
Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Ban Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Pacific Bridge phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2020

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRỊNH SƠN HÀ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số : 366..... /BCKT/TC/2020/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Pacific Bridge

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Pacific Bridge, được lập ngày 27/03/2020, từ trang 04 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban điều hành Công ty

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Pacific Bridge đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)
Phó Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

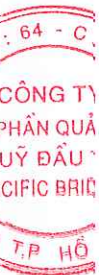
Giấy CN ĐKHN KTV số: 0479-2018-142-1

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Mỹ Ngọc

Giấy CN ĐKHN KTV số: 1091-2018-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	100		28.009.742.155	24.375.505.319
I. Tiền và tương đương tiền	110	V.01.	28.009.742.155	24.331.505.319
1. Tiền	111		28.009.742.155	24.331.505.319
2. Tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư ngắn hạn	120		-	-
1. Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		-	44.000.000
1. Phải thu khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132	V.02.	-	44.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		-	-
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI	200		180.793.723	5.209.275.615
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		18.454.578	46.136.466
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.03.	18.454.578	46.136.466
- Nguyên giá	222		83.045.650	83.045.650
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(64.591.072)	(36.909.184)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.04.	-	-
- Nguyên giá	228		160.000.000	160.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(160.000.000)	(160.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.05.	-	5.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	5.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	250		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260	V.06.	162.339.145	163.139.149
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		5.226.145	6.026.149
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	263		157.113.000	157.113.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		28.190.535.878	29.584.780.934

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A . NỢ PHẢI TRẢ	300		323.427.220	119.804.650
I. Nợ ngắn hạn	310		323.427.220	119.804.650
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		44.308.150	-
3. Người mua trả trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.07	55.419.881	12.021.975
5. Phải trả người lao động	315		79.173.100	86.149.675
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả, phải nộp khác	319	V.08	144.526.089	21.633.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		-	-
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
II. Nợ dài hạn	340		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.09	27.867.108.658	29.464.976.284
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(32.132.891.342)	(30.535.023.716)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		28.190.535.878	29.584.780.934



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	1		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	2		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	3		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	4		-	-
5. Ngoại tệ các loại	5		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	6		-	-
Trong đó:			-	-
6.1. Chứng khoán giao dịch	7		-	-
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	8		-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	9		-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	10		-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	11		-	-
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	12		-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	13		-	-
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	14		-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	15		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty QLQ	20		-	5.000.000.000
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	30		-	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	31		-	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	32		-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	40		-	-
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	41		-	-
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	42		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	50		-	-
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	51		-	-

Người lập bảng



Phạm Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng



Tô Thị Thu

Tp.Hồ Chí Minh ngày 27 tháng 03 năm 2020

Chủ tịch HĐQT



Trịnh Sơn Hà

911729-C
CÔNG TY
NHIỆM HỮU HẠ
VỤ TƯ VẤN
KẾ TOÁN
TỔNG TOÁN
TÁ NAM
PHỐ CH...

A - C. T.
CÔNG TY
AN QUẢN
Y ĐẦU TƯ
PACIFIC BRIDGE
TP. HỒ CH...

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		-	-
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	35.819	671.126
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.2	1.406.991.916	2.652.982.138
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.406.956.097)	(2.652.311.012)
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32	VI.3	190.911.529	22.155.308
12. Lợi nhuận khác	40		(190.911.529)	(22.155.308)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.597.867.626)	(2.674.466.320)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.4	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(1.597.867.626)	(2.674.466.320)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(266)	(446)

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Người lập bảng



Phạm Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng



Tô Thị Thu

Chủ tịch HĐQT



Trịnh Sơn Hà



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	-	-
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(459.996.059)	(1.080.349.717)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(861.802.924)	(1.283.700.208)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	-	24.271.496.973
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	-	(24.758.120.071)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.321.798.983)	(2.850.673.023)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(7.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.000.000.000	2.500.000.000
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	35.819	671.126
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.000.035.819	(4.999.328.874)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	3.678.236.836	(7.850.001.897)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	24.331.505.319	32.181.507.216
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	28.009.742.155	24.331.505.319

Người lập bảng



Phạm Thị Thanh Huyền

Kế toán



Tô Thị Thu

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Chủ tịch HĐQT



Trịnh Sơn Hà

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-	-	60.000.000.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-
9. Các Quỹ khác thuộc vốn CSH	(27.860.557.396)	(30.535.023.716)	-	(2.674.466.320)	-	(1.597.867.626)	(30.535.023.716)	(32.132.891.342)
Cộng	32.139.442.604	29.464.976.284	-	(2.674.466.320)	-	(1.597.867.626)	29.464.976.284	27.867.108.658

Người lập bảng

Thuyen
Phạm Thị Thanh Huyền

Kế toán

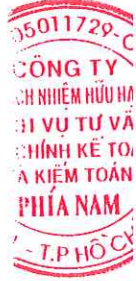
S
Tô Thị Thu

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Chu tịch HĐQT



Trịnh Sơn Hà



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
 - Lĩnh vực kinh doanh : Quản lý Quỹ, dịch vụ tài chính
 - Ngành nghề kinh doanh : Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán
Tur vản tài chính và tur vản đầu tur chứng khoán
Quản lý danh mục đầu tur chứng khoán, công ty đầu tur chứng khoán.
 - Tổng số nhân viên : 10 người
- Trong đó: Nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ: 07 người

Danh sách nhân viên có Chứng chỉ quản lý quỹ đăng ký hoạt động tại ngày 31/12/2019 như sau:

Stt	Họ tên	Số chứng chỉ	Ngày cấp
1	Đình Ngọc Dũng	000734/QLQ	16/05/2011
2	Trịnh Bá Toàn	001621/QLQ	27/11/2017
3	Đặng Vũ Trí Dũng	001070/QLQ	1/25/2014
4	Từ Cao Ánh	000817/QLQ	3/26/2012
5	Nguyễn Thị Hiền	000967/QLQ	6/20/2013
6	Đình Ngọc Dương	001735/QLQ	10/14/2010
7	Nguyễn Thanh Toàn	000582/QLQ	2/1/2010

II. KỶ KẾ TOÁN ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND),

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản, thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao áp dụng và các trường hợp khấu hao đặc biệt: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

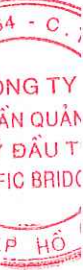
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;



- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số **VII.1**



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính : VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	27.999.580.366	24.321.705.829
Tiền gửi ngân hàng	10.161.789	9.799.490
+ Ngân hàng An Bình	3.565.908	3.943.167
+ Ngân hàng BIDV	1.769.314	2.137.995
+ Ngân hàng Eximbank	1.919.332	2.359.445
+ Ngân hàng PVcom Bank	1.547.295	-
+ Ngân hàng VIB	890.455	890.455
+ CTCP Chứng khoán SSI	469.485	468.428
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>28.009.742.155</u>	<u>24.331.505.319</u>

02. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cty TNHH Công nghệ và truyền thông Thủy Thủ	-	24.000.000
- Cty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp.HCM	-	20.000.000
Cộng	<u>-</u>	<u>44.000.000</u>

03. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	-	83.045.650	-	83.045.650
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	83.045.650	-	83.045.650
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	-	36.909.184	-	36.909.184
2. Khấu hao trong năm	-	27.681.888	-	27.681.888
3. Giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	64.591.072	-	64.591.072
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	-	46.136.466	-	46.136.466
2. Tại ngày cuối năm	-	18.454.578	-	18.454.578

04. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	-	160.000.000	-	160.000.000
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-
- Mua sắm mới	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	160.000.000	-	160.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	-	160.000.000	-	160.000.000
2. Khấu hao trong năm	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	160.000.000	-	160.000.000
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng: 160.000.000 đồng

05. Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đầu tư vào công ty con	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (*)	-	5.000.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	-	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	-
Cộng	-	5.000.000.000

Ghi chú (*):

Theo Nghị quyết số 152b/2018/NQ-SVC.HĐQT ngày 12/03/2018 của Hội đồng quản trị thông qua việc góp vốn vào Công ty CP CN VIHASO với vốn góp 7,5 tỷ đồng tương ứng 750.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 25% vốn điều lệ và Nghị quyết số 132b/2018/NQ-SVC.HĐQT ngày 12/03/2018 24/2018/NQ-SVC.HĐQT ngày 15/06/2018 của Hội đồng quản trị thông qua thoái một phần vốn góp 250.000 cổ phiếu với giá chuyển nhượng 2,5 tỷ đồng cho Ông Lê Hữu Sơn, tình hình vốn góp tại ngày 31/12/2018 là 5 tỷ đồng.

Theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-PBC.HĐQT ngày 9/12/2019 của Hội đồng quản trị, Công ty đã thực hiện thoái hết vốn góp đầu tư của Công ty vào Công Ty CP Công nghiệp VIHASO.

06. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước dài hạn	5.226.145	6.026.149
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	-	-
Ký quỹ ký cược dài hạn	-	-
+ Tiền cọc thuê văn phòng	157.113.000	157.113.000
Cộng	<u>162.339.145</u>	<u>163.139.149</u>

07. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế Giá trị gia tăng	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	55.419.881	12.021.975
Các loại thuế khác	-	-
Cộng	<u>55.419.881</u>	<u>12.021.975</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

08. Phải trả phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	12.580.000	3.496.000
Bảo hiểm xã hội	101.388.000	14.433.000
Bảo hiểm y tế	18.904.500	2.547.000
Bảo hiểm thất nghiệp	7.952.000	1.132.000
Phải trả, phải nộp khác	3.701.589	25.000
Cộng	<u>144.526.089</u>	<u>21.633.000</u>

09 Nguồn vốn chủ sở hữu:

a Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu:

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	60.000.000.000	-	-	-	(27.860.557.396)	32.139.442.604
Tăng vốn trong năm trước						
- Góp vốn	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	(2.674.466.320)	(2.674.466.320)
- Tăng do trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước						
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Giảm do trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	60.000.000.000	-	-	-	(30.535.023.716)	29.464.976.284
Số dư đầu năm nay	60.000.000.000	-	-	-	(30.535.023.716)	29.464.976.284
Tăng vốn trong năm						
- Góp vốn	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	-	-	(1.597.867.626)	(1.597.867.626)
- Tăng do trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay						
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Giảm do trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	60.000.000.000	-	-	-	(32.132.891.342)	27.867.108.658



09 Nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo):

b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
+ Số lượng cp đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
+ Số lượng cp đã phát hành	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Số lượng cp được mua lại	-	-
+ Số lượng cp đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/cp

c. Chi tiết nguồn vốn kinh doanh tại 31/12/2019:

<u>Tên thể nhân và pháp nhân góp vốn</u>	<u>Giá trị vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp/ Tổng vốn điều lệ</u>
- Cổ đông pháp nhân	2.450.000.000	4,08%
- Cổ đông cá nhân	57.550.000.000	95,92%
Tổng	- 60.000.000.000	100%

- 10 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác (chi tiết theo từng nhà đầu tư ủy thác):** Không phát sinh
- 11 Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác**
- 11.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước : Không phát sinh
- 11.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài : Không phát sinh
- 12 Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác** : Không phát sinh
- 13 Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác** : Không phát sinh

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1 Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi	35.819	671.126
Cộng	35.819	671.126

2 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.020.812.000	1.565.849.133
Chi phí đồ dùng văn phòng	800.004	2.912.501
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.681.888	76.570.787
Chi phí dịch vụ mua ngoài	354.698.024	1.002.649.717
Chi phí bằng tiền khác	3.000.000	5.000.000
Cộng	1.406.991.916	2.652.982.138

3 Chi phí khác

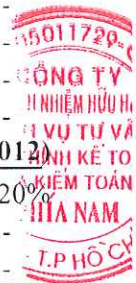
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khoản chi do vi phạm hành chính		19.515.308
Chi phí khác	190.911.529	2.640.000
Cộng	<u>190.911.529</u>	<u>22.155.308</u>

4 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận trước thuế	(1.597.867.626)	(2.674.466.320)
Điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận	-	19.515.308
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	19.515.308
+ Chi nộp phạt vi phạm hành chính	-	19.515.308
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
+ Chi phí kkhác	-	-
Lỗi các năm trước chuyển sang	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	<u>(1.597.867.626)</u>	<u>(2.654.951.012)</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	-	-
Thuế TNDN được miễn giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>-</u>	<u>-</u>

4 Các hoạt động nghiệp vụ phát sinh:

- | | |
|---|-------------------|
| 4.1- Hoạt động quản lý quỹ | : Không phát sinh |
| 4.2- Hoạt động nhận uỷ thác đầu tư chứng khoán | : Không phát sinh |
| 4.3- Hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán | : Không phát sinh |
| 4.4- Các hoạt động khác của công ty quản lý quỹ | : Không phát sinh |



5 Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản:		
- Tài sản cố định/ Tổng tài sản (%)	0,64%	17,61%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	99,36%	82,39%
2. Tỷ suất sinh lợi: lỗ		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	0,00%	0,00%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	-5,73%	-9,08%
3. Tình hình tài chính:		
- Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng tài sản (%)	1,15%	0,40%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn (%)	8660%	20309%
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/ Tổng vốn chủ sở hữu)	0,07%	0,16%

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan: Các thành viên của Hội đồng quản trị
Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng
Các thành viên của Ban Kiểm soát

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

- Tiền lương của các thành viên chủ chốt năm 2019 là: 240.000.000 VND.

2. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện theo hướng dẫn về việc không trình bày và thuyết minh công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Người lập bảng

Phạm Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Tô Thị Thu

Chủ tịch HĐQT

Trịnh Sơn Hà